

# NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ HÀN QUỐC VỀ ÁP DỤNG QUY TẮC VIẾT KHOẢNG CÁCH TRONG TIẾNG HÀN (띄어쓰기)

Dương Thảo Tiên

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

dttien.hucfl@hueuni.edu.vn

(Nhận bài: 12/08/2024; Hoàn thành phản biện: 20/11/2024; Duyệt đăng: 23/12/2024)

**Tóm tắt:** Quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn (띄어쓰기) có vai trò quan trọng trong việc phân tách các thành phần câu, giúp đảm bảo tính rõ ràng và mạch lạc của văn bản, đồng thời phản ánh mức độ thành thạo ngôn ngữ của người học. Tuy nhiên, đây là một quy tắc phức tạp với nhiều trường hợp ngoại lệ, gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Nghiên cứu này nhằm phân tích nhận thức của sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn về việc áp dụng quy tắc viết khoảng cách vào các cấu trúc ngữ pháp đã học trong bộ giáo trình Ehwa. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập qua khảo sát trực tuyến từ 100 sinh viên năm 3 ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc và phân tích bằng phần mềm Excel. Kết quả cho thấy rằng, mặc dù đa số sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và có hiểu biết tương đối về quy tắc viết khoảng cách, nhưng khi áp dụng vào bài kiểm tra trắc nghiệm chỉ khoảng 65% sinh viên chọn được đáp án chính xác. Trên cơ sở kết quả này, tác giả nhấn mạnh sự cần thiết của việc giảng dạy có hệ thống và nâng cao thái độ học tập của sinh viên đối với quy tắc phức tạp này.

**Từ khóa:** Nhận thức của sinh viên, quy tắc viết khoảng cách, tiếng Hàn

## 1. Mở đầu

Trong quá trình học tiếng Hàn, việc nắm vững các quy tắc ngữ pháp và chính tả là yếu tố quan trọng giúp người học phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và tự nhiên. Một trong những quy tắc ngữ pháp cơ bản, quan trọng và cần thiết là quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn (띄어쓰기). Quy tắc này giúp phân tách các thành phần trong câu và đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc của văn bản. Tuy nhiên, do tính phức tạp và nhiều trường hợp ngoại lệ, quy tắc viết khoảng cách thường là một trong những thách thức lớn đối với người học tiếng Hàn, bao gồm cả sinh viên ngành Ngôn ngữ Hàn tại Việt Nam.

Đối với sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, quy tắc viết khoảng cách không chỉ là nội dung học tập xuyên suốt trong 4 năm học mà còn là công cụ cần thiết để nâng cao kỹ năng viết lách, đọc hiểu, cũng như giao tiếp chuyên nghiệp. Tuy nhiên, qua quan sát ban đầu, có thể thấy rằng nhiều sinh viên vẫn nhiều gặp khó khăn trong việc áp dụng đúng quy tắc viết khoảng cách, dẫn đến việc viết câu sai lệch về ý nghĩa, gây khó khăn trong việc đọc hiểu và làm giảm hiệu quả giao tiếp. Điều này đặt ra nhu cầu cần thiết phải có những khảo sát và nghiên cứu cụ thể nhằm đánh giá thực trạng, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sử dụng quy tắc viết khoảng cách của sinh viên, để từ đó đề xuất các phương pháp hỗ trợ cho giảng dạy và học tập hiệu quả.

Bài báo này nhằm khảo sát việc sử dụng quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn của sinh viên năm 3 khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế,

để xác định mức độ quan trọng, sự hiểu biết, các lỗi phổ biến cũng như nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng quy tắc viết khoảng cách. Kết quả của nghiên cứu được kỳ vọng sẽ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tiếng Hàn tại Việt Nam.

Các câu hỏi nghiên cứu:

Câu hỏi 1: Sinh viên năm 3 khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhận thức như thế nào về quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong tiếng Hàn?

Câu hỏi 2: Trong số các cấu trúc ngữ pháp tương đồng liên quan đến quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기), sinh viên năm 3 khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhận diện các cấu trúc này ra sao?

Câu hỏi 3: Những điều gì cần lưu ý khi dạy và học quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn (띄어쓰기)?

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1 Các nghiên cứu về quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn

Trong khi các nghiên cứu trong nước về quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn còn hạn chế và chưa toàn diện, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học quốc tế đã tiến hành nhiều công trình chuyên sâu nhằm khảo sát vấn đề này từ cả góc độ lý thuyết và ứng dụng thực tiễn. Các nghiên cứu quốc tế tập trung vào phân tích lỗi viết khoảng cách ở nhiều nhóm đối tượng như học sinh, sinh viên, người đi làm bản địa và người lao động, người kết hôn nhập cư, cũng như người học tiếng Hàn như một ngoại ngữ. Đồng thời, việc xây dựng các phương pháp giảng dạy quy tắc viết khoảng cách hiệu quả cũng được đặt ra như một mục tiêu quan trọng trong những nghiên cứu này.

Các công trình nghiên cứu nổi bật liên quan đến lỗi sai của người học nước ngoài và các phương pháp giảng dạy quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn được trình bày như sau:

Xu Rongjing (2024) đã phân tích các lỗi về quy tắc viết khoảng cách của người học tiếng Hàn gốc Trung Quốc và đề xuất phương pháp giảng dạy cải thiện. Nghiên cứu được thực hiện qua khảo sát sinh viên học tiếng Hàn tại một trường đại học ở Trung Quốc. Tác giả thu thập thông tin về nhận thức và mức độ sử dụng quy tắc viết khoảng cách của người học. Các bài viết của sinh viên được phân tích để xác định lỗi thường gặp. Tuy nhiên, nghiên cứu có hạn chế khi không bao quát hết các dạng lỗi và trường hợp về quy tắc viết khoảng cách.

Jeong Ro (2012) đã phân tích lỗi về quy tắc viết khoảng cách của người học tiếng Hàn gốc Trung Quốc để xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp. Nghiên cứu khảo sát 102 du học sinh trình độ sơ cấp và trung cấp tại Đại học K, thành phố D. Bảng khảo sát bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận để kiểm tra nhận thức về quy tắc viết khoảng cách. Bài viết tự do của người học cũng được phân tích định lượng để xác định và phân loại các lỗi thường gặp. Dựa trên kết quả, tác giả đề xuất nội dung giảng dạy thích hợp cho người học Trung Quốc.

I Eun Yeong (2015) đã tiến hành nghiên cứu phương pháp giảng dạy quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) một cách hiệu quả với đối tượng là người nước ngoài và các thành viên gia đình

đa văn hóa. Tác giả đã khảo sát thực trạng giảng dạy qua phỏng vấn giáo viên và thu thập dữ liệu từ người học để xác định các lỗi phổ biến, tổng hợp các lỗi về ngữ pháp liên quan đến quy tắc viết khoảng cách mà người học dễ mắc phải và đề xuất các phương pháp giảng dạy để giúp người học sử dụng thành thạo. Mục đích là giúp người học nhận thức rõ về tầm quan trọng và sự cần thiết của quy tắc viết khoảng cách, từ đó giúp họ viết câu đúng ngữ pháp, nắm bắt mạch văn và truyền đạt ý nghĩa một cách rõ ràng, mạch lạc.

Yu Il Seon (2018) đã tiến hành nghiên cứu về việc lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp về quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) cho người học tiếng Hàn là người nước ngoài. Tác giả đã tiến hành phân tích các bài viết tự do của 50 người học tiếng Hàn tại Đại học Ngoại ngữ Busan, Đại học Quốc gia Busan năm 2017 và khảo sát nhận thức giáo viên tiếng Hàn về thứ tự, sự cần thiết của việc giảng dạy quy tắc viết khoảng cách để đề xuất nội dung và thứ tự giảng dạy phù hợp. Tuy nhiên, một điểm hạn chế của nghiên cứu này là chưa thể kiểm chứng được mức độ hiệu quả của việc ứng dụng các nội dung và thứ tự giảng dạy trực tiếp vào người học.

Jin Won Won (2020) đã phân tích các khía cạnh và nguyên nhân của lỗi quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn của người học Trung Quốc nhằm tìm ra biện pháp giáo dục hiệu quả. Nghiên cứu sử dụng 126 bài viết tiếng Hàn từ học viên ở ba trình độ: sơ cấp, trung cấp và cao cấp. Một khảo sát đã được tiến hành với 428 học viên, bao gồm các câu hỏi về nhận thức, thực trạng sử dụng quy tắc viết khoảng cách, và câu hỏi trắc nghiệm. Kết quả cho thấy học viên thiếu kiến thức về quy tắc viết khoảng cách, nhưng nhận thức được tầm quan trọng của nó. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của giáo dục quy tắc này trong dạy học tiếng Hàn. Dựa vào các phát hiện, tác giả đề xuất các biện pháp giảng dạy phù hợp cho người học.

**2.2 Các quy tắc viết khoảng cách cơ bản trong tiếng Hàn**

Trong quy định hiện hành của ‘Quy tắc chính tả tiếng Hàn’ (한글 맞춤법) của Viện Ngôn ngữ Quốc gia Hàn Quốc (국립국어원), các quy định liên quan đến quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn được nêu trong Điều 2 của Chương 1 về các quy tắc chung và từ Điều 41 đến Điều 50 của Chương 5, bao gồm các quy định chi tiết về trợ từ, danh từ phụ thuộc, danh từ chỉ đơn vị đếm, danh từ riêng và thuật ngữ chuyên ngành. Nội dung cụ thể của từng điều khoản được trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1.** Quy định hiện hành liên quan đến quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn

Chương	Nội dung	Điều
Chương 1 (Quy tắc chung- 총칙)	Quy tắc chung (총칙)	Điều 2
Chương 5 (Quy tắc viết khoảng cách- 띄어쓰기)	Trợ từ (조사)	Điều 41
	Danh từ phụ thuộc (의존 명사)	Điều 42
	Danh từ chỉ đơn vị đếm (단위를 나타내는 명사)	Điều 43
	Đơn vị ‘vạn’ (‘만’ 단위)	Điều 44
	Từ liệt kê (열거하는 말)	Điều 45
	Từ đơn âm tiết (단음절로 된 단어)	Điều 46

	Vị từ 보조 trợ (보조 용언)	Điều 47
	Danh từ riêng là danh tính (고유 명사- 성명)	Điều 48
	Danh từ riêng khác danh tính (고유 명사-성명 외)	Điều 49
	Thuật ngữ chuyên ngành (전문 용어)	Điều 50

Theo quy tắc chính tả tiếng Hàn hiện hành, nguyên tắc chính của Điều 2 Chương 1 là mỗi từ trong câu phải được viết cách nhau. Điều 2 là điều khoản liên quan đến quy tắc viết khoảng cách, đóng vai trò như nguyên tắc chi phối cho Chương 5 của quy định chính tả tiếng Hàn. Trong quy tắc chính tả, đơn vị của khoảng cách là từ. Tuy nhiên, các trợ từ được xem như một từ đơn nhưng là hình vị phụ thuộc (hình vị chức năng), nên sẽ được viết liền với từ đứng trước nó. Như vậy, đơn vị của khoảng cách không phải là từ mà là cụm từ.

**Bảng 2.** Các ví dụ liên quan đến Điều 2 Chương 1

Ví dụ 1	돈이천원이있다.	돈이 천 원이 있다. (Tôi có một nghìn won)
		돈 이천 원이 있다. (Tôi có hai nghìn won)
Ví dụ 2	나무좀심어줄래?	나무 좀 심어줄래? (Bạn trồng cây giúp tôi được không?)
		나 무 좀 심어줄래? (Bạn trồng củ cải giúp tôi được không?)

Nguyên tắc của Điều 41 Chương 5 là trợ từ được viết liền với từ đứng trước. Trong tiếng Hàn, trợ từ được xem như một từ độc lập, nhưng do là hình vị phụ thuộc nên phải viết liền với từ đứng trước. Điều này vẫn áp dụng ngay cả khi có nhiều trợ từ được liệt kê. Nếu quy định trợ từ viết liền với từ đứng trước, điều này sẽ thống nhất với việc coi cụm từ là đơn vị của việc viết cách trong tiếng Hàn.

**Bảng 3.** Các ví dụ liên quan đến Điều 41 Chương 5

Ví dụ 1: 한국 사람처럼 말할 수 있게 말하기 연습을 많이 하면 좋겠어요. (이화한국어 3-1:22) (Nếu luyện nói nhiều để có thể nói như người Hàn thì tốt biết bao.)
Ví dụ 2: 도서관에서 책을 빌리려면 학생증이 꼭 있어야 하지요? (이화한국어 3-1:24) (Nếu muốn mượn sách ở thư viện thì nhất định phải có thẻ học sinh đúng không?)

Nguyên tắc của Điều 42 Chương 5 là danh từ phụ thuộc được viết cách ra. Mục thứ 2 quy định việc viết cách cho danh từ phụ thuộc, danh từ phụ thuộc chỉ đơn vị (danh từ chỉ số lượng) và phó từ (các từ liệt kê). Danh từ phụ thuộc có ý nghĩa hình thức và không thể sử dụng một mình, là một dạng ngôn ngữ không độc lập. Dù không độc lập nhưng danh từ phụ thuộc có các đặc điểm của danh từ như có thể kết hợp với trợ từ chỉ cách, nhận sự bổ nghĩa của định ngữ và không thể lược bỏ, do đó nó được xem như một từ độc lập.

**Bảng 4.** Các ví dụ liên quan đến Điều 42 Chương 5

Ví dụ 1: 전화로 수다를 떠느라 시간이 가는 줄 몰랐어요. (이화한국어 3-2:119) (Mải tán gẫu qua điện thoại mà tôi không nhận ra thời gian trôi qua.)
Ví dụ 2: 내일 비가 와도 계획한 대로 행사를 진행할 거래요. (이화한국어 4:21) (Nghe nói ngày mai dù trời có mưa thì họ cũng sẽ tổ chức lễ hội theo kế hoạch.)

Nguyên tắc của Điều 43 Chương 5 là các từ biểu thị số lượng đứng trước danh từ chỉ đơn vị thì viết cách ra. Tuy nhiên, khi chúng biểu thị thứ tự hoặc được sử dụng với số thì có thể viết liền nhau.

**Bảng 5.** Các ví dụ liên quan đến Điều 43 Chương 5

Ví dụ 1: 오늘 기온이 영상 <b>십오</b> 도이다./ 오늘 기온이 영상 <b>15도</b> 이다. (Hôm nay nhiệt độ là 15 độ.)
Ví dụ 2: <b>이천이십사</b> 년 <b>십일</b> 월 <b>삼십 일</b> / <b>2024년 11월 30일</b> (Ngày 30 tháng 11 năm 2024)

Theo nguyên tắc của Điều 44 Chương 5, khi ghi số, đơn vị ‘wan (만)’ sẽ được viết tách ra. Nội dung giải thích ở Điều 44 cũng cần được quy định thành điều khoản. Thêm nữa, trong giải thích Điều 44 cho biết rằng khi ghi số tiền, để ngăn chặn sự thay đổi hoặc giả mạo, thì sẽ viết liền nhau, điều này là ngoại lệ so với quy tắc ghi số theo đơn vị vạn trong phần chính.

**Bảng 6.** Các ví dụ liên quan đến Điều 44 Chương 5

Ví dụ 1: ghi số 십억 이천삼백사십오 <b>만</b> 육천이백팔십오/ 10억 2345 <b>만</b> 6285 (1.023.456.285)
Ví dụ 2: ghi số tiền 십억이천삼백사십오 <b>만</b> 육천이백팔십오원정 (1.023.456.285 Won)

Theo Điều 45 Chương 5, những từ được sử dụng để nối hai từ hoặc liệt kê sẽ được viết cách ra.

**Bảng 7.** Các ví dụ liên quan đến Điều 45 Chương 5

Ví dụ 1: 인간관계 형성 <b>및</b> 유지 방법 (이화한국어 4:27) (Phương pháp hình thành và duy trì mối quan hệ nhân sinh)
Ví dụ 2: 반 친구들과 선생님 <b>등</b> 모든 게 낯설다. (이화한국어 4:24) (Tất cả mọi thứ như bạn cùng lớp và giáo viên đều lạ lẫm.)

Theo nguyên tắc của Điều 45 Chương 5, khi các từ đơn âm tiết xuất hiện liên tiếp, chúng có thể viết liền nhau. Điều 46 cũng là một ngoại lệ của quy tắc chung. Khi các từ có một âm tiết xuất hiện liền nhau, nếu viết cách ra có thể gây bất tiện khi ghi chép và làm giảm hiệu quả đọc viết, nên quy tắc cho phép viết liền nhau.

**Bảng 8.** Các ví dụ liên quan đến Điều 46 Chương 5

Ví dụ 1: 식탁에 앉아서 식당 안의 <b>이곳저곳</b> 을 둘러보다가 설렁탕 한 그릇을 주문했다. (이화한국어 4:120) (Tôi ngồi xuống bàn ăn và nhìn quanh nơi này nơi kia trong nhà hàng rồi gọi một bát canh sườn.)
Ví dụ 2: <b>이게</b> 사실이면 어떻게 현 제품을 새 제품인 것처럼 해서 보낼 수 있습니까?(이화한국어 3-2:50) (Nếu điều này là sự thật thì làm thế nào bạn có thể gửi sản phẩm cũ như thể nó là sản phẩm mới vậy?)

Tại Điều 47 của Chương 5, vị từ bổ trợ được viết cách với vị từ chính. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc viết liền cũng được chấp nhận. Ngoài ra, khi từ đứng trước có gắn tiểu từ, hoặc là một vị từ ghép, hay có một tiểu từ xen giữa thì vị từ bổ trợ đi sau phải viết cách ra.

**Bảng 9.** Các ví dụ liên quan đến Điều 47 Chương 5

Ví dụ 1: 음악을 들은 후에 나중에 CD를 <b>빌려주세요</b> ./ 음악을 들은 후에 나중에 CD를 <b>빌려주세요</b> . (Sau khi nghe nhạc, bạn hãy cho tôi mượn đĩa CD nhé.) (이화한국어 3-1:19)
---

Ví dụ 2: 지하철을 타니까 젊은 사람들은 노약자석에 앉지 않다. (이화한국어3-2:84)  
(Tôi đi tàu điện ngầm thì thấy, những người trẻ không ngồi ở ghế dành cho người già yếu.)

Theo Điều 48 Chương 5, họ và tên, họ và hiệu nên được viết liền. Tuy nhiên các danh xưng, chức danh đi kèm với họ cần được viết cách. Tuy nhiên, nếu cần phân biệt rõ họ và tên, hoặc họ và hiệu, có thể viết cách.

**Bảng 10.** Các ví dụ liên quan đến Điều 48 Chương 5

Ví dụ 1: 김 선생님 사무실은 2층입니까? (이화한국어 1-1:130) (Văn phòng của thầy Kim ở tầng 2 à?)
Ví dụ 2: 여보세요? 거기 김수진 씨 집이지요? (이화한국어 1-2:101) (Alo? Đó có phải là nhà của Kim Su Jin không?)

Tại Điều 49 Chương 5, đối với các danh từ riêng không phải là họ tên, nguyên tắc là viết cách từng từ, nhưng cũng có thể viết cách theo từng đơn vị. Địa danh cố định thì không được viết cách.

**Bảng 11.** Các ví dụ liên quan đến Điều 49 Chương 5

Ví dụ 1: 후에 외국어 대학교 한국어 학과/ 후에외국어대학교 한국어학과 (Khoa tiếng Hàn, Trường Đại học Ngoại ngữ Huế)
Ví dụ 2: 중앙고원, 강남산맥, 남이섬, 호남평야 (Cao nguyên Jungang, Dãy núi Kangnam, Đảo Nami, Đồng bằng Honam)

### 2.3 Điều 50 Chương 5

Theo Điều 50 Chương 5, thuật ngữ chuyên ngành được viết cách từng từ theo nguyên tắc, nhưng cũng có thể viết liền. Các thuật ngữ chuyên ngành có cấu trúc dạng định ngữ bỏ nghĩa cho danh từ, hoặc hai danh từ trở lên được kết nối bằng tiểu từ cũng có thể viết liền. Tên sách cổ bằng Hán tự thì không viết cách.

**Bảng 12.** Các ví dụ liên quan đến Điều 50 Chương 5

Ví dụ 1: 만성 골수성 백혈병 / 만성골수성백혈병 (bệnh bạch cầu dòng tuỷ mãn tính) 중거리 탄도 미사일 / 중거리탄도미사일 (tên lửa đạn đạo tầm trung) <a href="https://blog.naver.com/quantumkim/220629479368">https://blog.naver.com/quantumkim/220629479368</a>
Ví dụ 2: 따뜻한 구름 / 따뜻한구름 (mây ấm); 강조의 허위/ 강조의허위 (nhấn mạnh sai) <a href="https://blog.naver.com/youwon2030/222236743007">https://blog.naver.com/youwon2030/222236743007</a>

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1 Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung khảo sát nhận thức và thái độ của sinh viên đối với quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong tiếng Hàn, với trọng tâm là các cấu trúc ngữ pháp tương đồng liên quan đến quy tắc này được áp dụng trong giảng dạy và học tập.

Khách thể nghiên cứu là 100 sinh viên chuyên ngữ năm 3 đang theo học tại khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế vào năm học 2024-2025.

### 3.2 Công cụ nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế trên Google Forms và chọn ngẫu nhiên 100 sinh viên năm 3 chuyên ngành tiếng Hàn từ ba nhóm học phần Viết 3 để thực hiện khảo sát. Ngay sau khi kết thúc lớp học phần và với sự đồng ý tham gia của các đối tượng nghiên cứu, khảo sát đã được tiến hành tại lớp nhằm đảm bảo độ tin cậy và tính chính xác cho dữ liệu thu thập.

Phiếu khảo sát bao gồm 5 câu hỏi tổng quan, đánh giá tầm quan trọng, độ khó dễ, mức độ hiểu và khả năng ứng dụng quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn của sinh viên, cùng với 20 câu hỏi ứng dụng trích nguồn của giáo trình Ehwa từ cấp độ 1-1 đến cấp độ 5 mà sinh viên đã được học tập qua 4 học kỳ để lựa chọn cấu trúc có quy tắc viết khoảng cách đúng.

### 3.3 Phương pháp nghiên cứu

Vào đầu tháng 9 năm 2024, tác giả đã tiến hành khảo sát thông qua Google Forms đối với sinh viên ngay sau giờ học nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và đảm bảo tiến độ hoàn thành khảo sát. Quá trình khảo sát được thực hiện dưới sự giám sát của giảng viên nhằm đảm bảo tính khách quan và độ chính xác của dữ liệu thu thập.

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá nhận thức của sinh viên về quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn, dựa trên các tiêu chuẩn chính tả hiện hành (한글 맞춤법), cụ thể là Chương 1 và Chương 5- những nội dung liên quan trực tiếp đến quy tắc này. Do đặc thù phức tạp của hệ thống quy tắc viết khoảng cách, nghiên cứu tập trung vào hai tiêu chí chính: (1) phân biệt các cấu trúc ngữ pháp có hình thức tương tự nhưng khác biệt về cách viết; (2) các cấu trúc ngữ pháp đóng vai trò trợ từ (Điều 41, Chương 5) và danh từ phụ thuộc (Điều 42, Chương 5). Các câu hỏi khảo sát được trích từ giáo trình Ehwa, trải dài từ cấp độ 1-1 đến cấp độ 5, phù hợp với nội dung mà sinh viên đã được tiếp cận trong chương trình học.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả kết hợp các phương pháp sau:

#### - Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Nghiên cứu tiến hành thu thập, phân tích các tài liệu liên quan đến quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn (띄어쓰기), tổng hợp số lượng và nội dung cụ thể của các quy tắc này nhằm xây dựng cơ sở lý thuyết cho khảo sát.

#### - Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Nghiên cứu được thực hiện trên đối tượng gồm 100 sinh viên năm 3 chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, trong học kỳ I năm học 2024-2025

#### - Phương pháp thống kê và xử lý số liệu

Sau khi thu thập dữ liệu khảo sát, nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê để phân tích số liệu, đảm bảo tính khách quan trong đánh giá kết quả. Phần mềm Excel được sử dụng để tính toán các giá trị số liệu, tỉ lệ phần trăm các lựa chọn trong bảng khảo sát.

#### Thiết kế bảng khảo sát

Phiếu khảo sát gồm hai phần chính:

**Phần 1:** Thu thập thông tin cá nhân của người tham gia khảo sát (họ tên, địa chỉ email).

**Phần 2:** Bao gồm hai nhóm câu hỏi:

Nhóm câu hỏi tổng quan: Gồm 5 câu hỏi đánh giá nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng, mức độ khó dễ, mức độ hiểu và khả năng ứng dụng quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn.

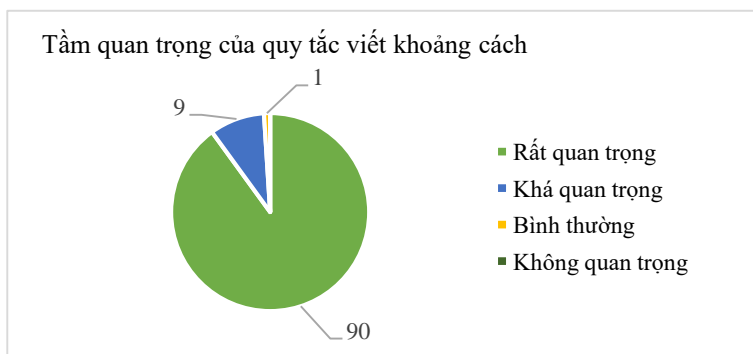
Nhóm câu hỏi ứng dụng: Gồm 20 câu hỏi nhằm đánh giá khả năng sử dụng quy tắc viết khoảng cách thông qua các cấu trúc ngữ pháp có hình thức tương tự nhưng khác biệt về ý nghĩa khi viết liền hoặc viết cách.

Sau quá trình thu thập và xử lý dữ liệu, tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích kết quả nhằm làm rõ mức độ nhận thức của sinh viên về quy tắc viết khoảng cách, cũng như đánh giá tầm quan trọng và tính cần thiết của quy tắc này trong quá trình học tập. Dựa trên các phát hiện, nghiên cứu đề xuất những phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên chuyên ngành.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1 Các câu hỏi tổng quan**

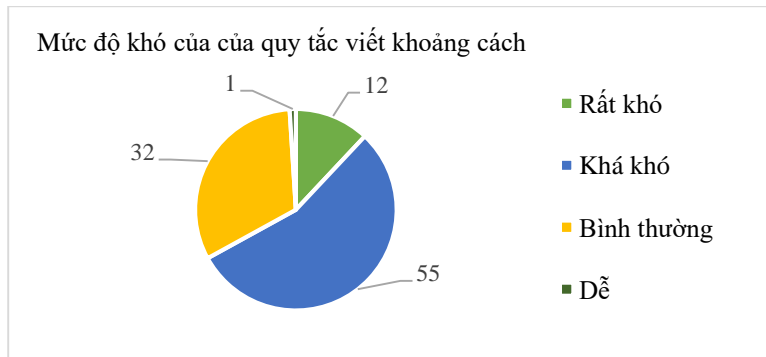
Trong số 100 sinh viên tham gia khảo sát về tầm quan trọng của quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn, có 90% đánh giá “Rất quan trọng”, 9% trả lời “Khá quan trọng” và 1% cho là “Bình thường”, không có sinh viên nào đánh giá “Không quan trọng”. Kết quả này cho thấy, phần lớn sinh viên năm 3 chuyên ngữ nhận thức quy tắc này có vai trò rất quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ.



**Biểu đồ 1.** Tầm quan trọng của quy tắc viết khoảng cách

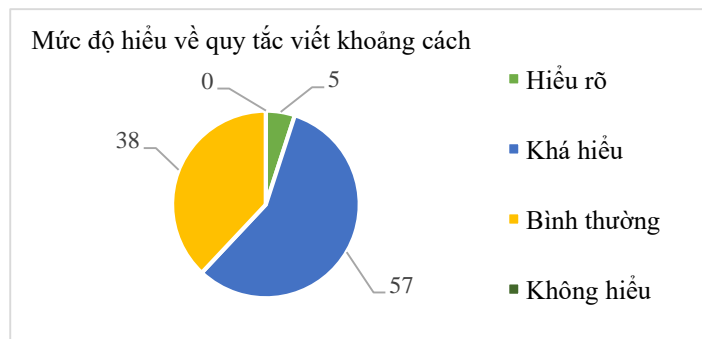
Đối với câu hỏi về mức độ khó của quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn, 55% sinh viên đánh giá là “Khá khó”, 32% cho rằng “Bình thường”, 12% nhận định “Rất khó” và chỉ 1% cho là “Dễ”. Điều này cho thấy, mặc dù sinh viên đã học quy tắc này trong suốt 4 học kỳ và thường xuyên thực hành trong các kỹ năng ngôn ngữ, họ vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng quy tắc một cách chính xác.





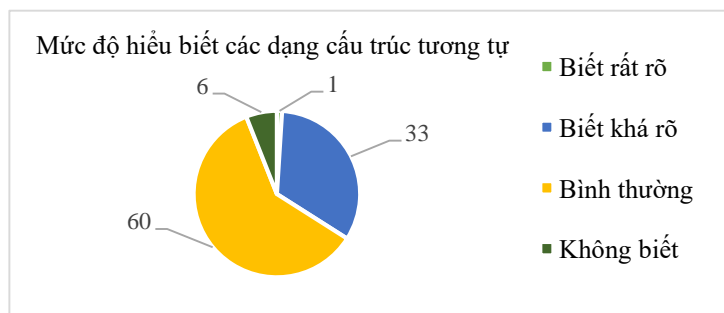
**Biểu đồ 2.** Mức độ khó của của quy tắc viết khoảng cách

Về câu hỏi mức độ hiểu quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn, 57% sinh viên cho rằng mình "Khá hiểu", 38% trả lời "Bình thường", 5% đánh giá "Hiểu rõ", và không có sinh viên nào cho rằng mình "Không hiểu". Kết quả điều tra cho thấy, mặc dù mức độ hiểu biết khác nhau, nhưng hầu hết sinh viên đều có nhận thức nhất định về quy tắc viết khoảng cách và có thể áp dụng vào thực tế.



**Biểu đồ 3.** Mức độ hiểu về quy tắc viết khoảng cách

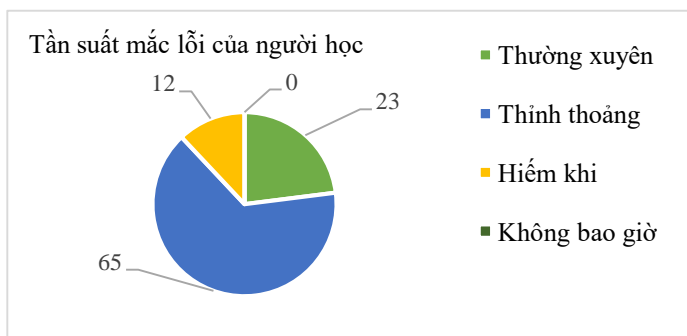
Tuy nhiên, đối với câu hỏi ‘các bạn nhận biết thế nào về các dạng tương tự cấu trúc ngữ pháp nhưng khác ý nghĩa phụ thuộc vào quy tắc viết khoảng cách?’, có 60% sinh viên trả lời “Bình thường”, 33% trả lời “Biết khá rõ”, 6% trả lời “Không biết”, và 1% trả lời “Biết rất rõ”.



**Biểu đồ 4.** Mức độ hiểu biết các dạng cấu trúc tương tự

Với câu hỏi về tần suất mắc lỗi quy tắc viết khoảng cách trong kỹ năng Viết, 65% sinh viên cho là “Thỉnh thoảng”, 23% “Thường xuyên”, 12% “Hiếm khi” và không ai trả lời là “Không”.

bao giờ”. Điều này cho thấy sinh viên chuyên ngữ vẫn chưa nắm vững quy tắc, dẫn đến việc còn mắc lỗi.



**Biểu đồ 5.** Tần suất mắc lỗi của người học

Thông qua kết quả điều tra, sinh viên năm 3 chuyên ngữ đánh giá cao tầm quan trọng của quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn và thách thức trong việc nắm vững và áp dụng chính xác. Đa số sinh viên có kiến thức cơ bản về quy tắc này dù chưa đạt mức độ thông thạo cao. Điều này dẫn đến việc sinh viên dễ mắc lỗi khi viết, đặc biệt trong các cấu trúc ngữ pháp tương tự.

**4.2 Các câu hỏi ứng dụng**

Dựa trên kết quả khảo sát tổng quan, có thể nhận thấy rằng, quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn rất phức tạp và khó áp dụng chính xác. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả tập trung vào các dạng trợ từ, danh từ phụ thuộc và các cấu trúc ngữ pháp có hình thức tương tự, không xem xét đến các quy tắc khác.

Sau quá trình khảo sát, tác giả đã thu thập được bảng trả lời về cách viết khoảng cách đúng, nhằm đánh giá khả năng phân tích và tính ứng dụng của sinh viên đối với quy tắc viết khoảng cách.

**Bảng 13.** Khảo sát về quy tắc viết khoảng cách đúng trong tiếng Hàn

Câu 6	Câu đúng (chiếm 54%)	6.1. A: 이번에 새로 들어간 회사 다닐 만해요? B: 아니요. 야근이 어찌나 <b>많은지</b> 집에 일찍 들어가는 날이 드물어요. (A: Công ty mà bạn mới vào làm có đáng để làm việc không? B: Không. Công việc tăng ca nhiều đến mức hiếm khi mình được về nhà sớm.)
	Câu sai (chiếm 46%)	6.2. A: 이번에 새로 들어간 회사 다닐 만해요? B: 아니요. 야근이 어찌나 <b>많은 지</b> 집에 일찍 들어가는 날이 드물어요.
Câu 7	Câu sai (chiếm 28%)	7.1. A: 장소이 씨 소식을 들었어요? B: 아니요. 그 사람 소식을 못 <b>들은지</b> 한 달이 넘었어요.
	Câu đúng (chiếm 72%)	7.2. A: 장소이 씨 소식을 들었어요? B: 아니요. 그 사람 소식을 못 <b>들은 지</b> 한 달이 넘었어요. (A: Bạn có nghe tin tức gì về Jang So I không? B: Không. Mình không nghe tin gì về người đó đã hơn một tháng rồi.)
Câu 8	Câu đúng (chiếm 80%)	8.1.A: 이치로 씨, 서울에서 제주도까지 비행기 값이 얼마예요? B: 글썬요. 비행기 값이 <b>얼마인지</b> 모르겠어요.

		(A: I Chi Ro, vé máy bay từ Seoul đến đảo Jeju bao nhiêu tiền vậy? B: Để xem nào. Mình không biết giá vé máy bay là bao nhiêu tiền nữa.)
	Câu sai (chiếm 20%)	8.2.A: 이치로 씨, 서울에서 제주도까지 비행기 값이 얼마예요? B: 글썄요. 비행기 값이 얼마인 지 모르겠어요.
Câu 9	Câu đúng (chiếm 60%)	9.1. A: 왕카이 씨, 진차오 씨가 누구와 제일 친한지 알아요? B: 진차오 씨는 안 씨와 친해요. 지난 학기에 같은 반이었거든요. (A: Wang Khai, bạn có biết Jin Chao thân nhất với ai không? B: Cậu ấy thân với Yan. Vì học kỳ trước hai người cùng lớp mà.)
	Câu sai (chiếm 40%)	9.2. A: 왕카이 씨, 진차오 씨가 누구와 제일 친한 지 알아요? B: 진차오 씨는 안 씨와 친해요. 지난 학기에 같은 반이었거든요.
Câu 10	Câu sai (chiếm 23%)	10.1. A: 왕카이 씨, 이 책을 읽었지요? 어떤 내용이에요? B: 내용이 잘 기억나지 않아요. 그 책을 읽은 지 3년이 넘어서요.
	Câu đúng (chiếm 77%)	10.2. A: 왕카이 씨, 이 책을 읽었지요? 어떤 내용이에요? B: 내용이 잘 기억나지 않아요. 그 책을 읽은 지 3년이 넘어서요. (A: Wang Khai, bạn đã đọc cuốn sách này rồi phải không? Nội dung như thế nào vậy? B: Mình không nhớ rõ nội dung lắm. Vì mình đã đọc cuốn sách đó được hơn ba năm rồi.)
Câu 11	Câu đúng (chiếm 84%)	11.1. A: 지금 밖에 비가 내리는데 우산을 가져왔어요? B: 네. 가져왔어요. 아침에 일기예보를 봤거든요. (A: Bên ngoài trời đang mưa, bạn có mang theo ô không? B: Có, mình có mang theo. Vì sáng nay mình đã xem dự báo thời tiết.)
	Câu sai (chiếm 16%)	11.2. A: 지금 밖에 비가 내리는 데 우산을 가져왔어요? B: 네. 가져왔어요. 아침에 일기예보를 봤거든요.
Câu 12	Câu sai (chiếm 54%)	12.1. A: 노트북을 수리하는데 얼마나 걸린대요? B: 수리 센터에 물어봤더니 일주일 정도 걸린대요.
	Câu đúng (chiếm 46%)	12.2. A: 노트북을 수리하는 데 얼마나 걸린대요? B: 수리 센터에 물어봤더니 일주일 정도 걸린대요. (A: Việc sửa laptop mất bao lâu vậy? B: Mình đã hỏi trung tâm sửa chữa, họ nói mất khoảng một tuần.)
Câu 13	Câu đúng (chiếm 73%)	13.1. A: 운동을 하는데 살이 빠지지 않아요. B: 걱정하지 마세요. 계속 운동하다 보면 살이 빠질 거예요. (A: Mình tập thể dục nhưng không giảm cân được. B: Đừng lo lắng. Nếu bạn tiếp tục tập luyện, cân nặng sẽ giảm thôi.)
	Câu sai (chiếm 27%)	13.2. A: 운동을 하는 데 살이 빠지지 않아요. B: 걱정하지 마세요. 계속 운동하다 보면 살이 빠질 거예요.
Câu 14	Câu đúng (chiếm 65%)	14.1. A: 결혼식에 가는데 뭘 입는 게 좋을까요? B: 정장을 입는 게 좋겠어요. (A: Mình đi dự đám cưới, nên mặc gì thì phù hợp nhỉ? B: Bạn nên mặc trang phục vest là tốt nhất.)
	Câu sai (chiếm 35%)	14.2. A: 결혼식에 가는 데 뭘 입는 게 좋을까요?

		B: 정장을 입는 게 좋겠어요.
Câu 15	Câu đúng (chiếm 82%)	15.1. A: 왕카이 씨, 선생님께서 빌린 책 다 읽었어요? B: 네. 내용은 재미있는데 모르는 단어가 너무 많아요. (A: Wang Khai, bạn đã đọc hết cuốn sách mượn từ thầy giáo chưa? B: Rồi. Nội dung khá thú vị, nhưng có quá nhiều từ mình không biết.)
	Câu sai (chiếm 18%)	15.2. A: 왕카이 씨, 선생님께서 빌린 책 다 읽었어요? B: 네. 내용은 재미있는데 모르는 단어가 너무 많아요.
Câu 16	Câu sai (chiếm 45%)	16.1. A: 왕단 씨, 신혼집을 장만할 때 부족한 돈은 어떻게 마련했어요? B: 저희는 반지나 시계와 같은 예물에 들이는 비용을 줄여 집 장만하는데 보탬이 됐어요.
	Câu đúng (chiếm 55%)	16.2. A: 왕단 씨, 신혼집을 장만할 때 부족한 돈은 어떻게 마련했어요? B: 저희는 반지나 시계와 같은 예물에 들이는 비용을 줄여 집 장만하는데 보탬이 됐어요. (A: Wang Dan, khi mua nhà mới cưới, bạn đã xoay sở khoản tiền thiếu hụt như thế nào? B: Vợ chồng mình đã cắt giảm chi phí sinh lễ như nhẫn cưới hay đồng hồ để góp thêm vào việc mua nhà.)
Câu 17	Câu đúng (chiếm 62%)	17.1. A: 경찰이 와서 오늘 아침에 일어난 교통사고에 대해 물어봤다면서요? B: 네. 저는 그냥 오늘 일어난 일을 사실대로 이야기해 주었어요. (A: Nghe nói cảnh sát đã đến hỏi bạn về vụ tai nạn giao thông xảy ra sáng nay phải không? B: Đúng vậy. Mình chỉ kể lại sự việc đã xảy ra hôm nay theo đúng sự thật thôi.)
	Câu sai (chiếm 38%)	17.2. A: 경찰이 와서 오늘 아침에 일어난 교통사고에 대해 물어봤다면서요? B: 네. 저는 그냥 오늘 일어난 일을 사실대로 이야기해 주었어요.
Câu 18	Câu sai (chiếm 27%)	18.1. A: 댄스 동호회에 가입은 했는데 춤을 전혀 못 춰서 걱정이예요. B: 걱정하지 마세요. 다른 사람이 하는대로 따라 하면 돼요.
	Câu đúng (chiếm 73%)	18.2. A: 댄스 동호회에 가입은 했는데 춤을 전혀 못 춰서 걱정이예요. B: 걱정하지 마세요. 다른 사람이 하는 대로 따라 하면 돼요. (A: Mình đã tham gia câu lạc bộ khiêu vũ, nhưng không biết nhảy chút nào nên rất lo lắng. B: Đừng lo. Bạn chỉ cần làm theo những gì người khác làm là được.)
Câu 19	Câu sai (chiếm 28%)	19.1. A: 김 기자, 요즘 인기 있는 영화를 소개하는 신문 기사는 다 썼어요? B: 거의 다 됐습니다. 기사를 다 쓰는대로 부장님 이메일로 보내 드리겠습니다.
	Câu đúng (chiếm 72%)	19.2. A: 김 기자, 요즘 인기 있는 영화를 소개하는 신문 기사는 다 썼어요?

		<p>B: 거의 다 됐습니다. 기사를 다 <b>쓰는 대로</b> 부장님 이메일로 보내 드리겠습니다.</p> <p>(A: Nhà báo Kim, bài báo giới thiệu bộ phim đang nổi tiếng hiện nay anh đã viết xong chưa?</p> <p>B: Gần xong rồi. Ngay khi viết xong, tôi sẽ gửi vào email của trưởng phòng.)</p>
Câu 20	Câu đúng (chiếm 70%)	<p>20.1. A: 어제 한옥에 대한 다큐멘터리를 봤는데 옛날에 어떻게 그렇게 과학적으로 집을 만들 수 있었는지 정말 놀랐던데요.</p> <p>B: 그렇지요? <b>한옥뿐만 아니라</b> 모든 문화유산 속에 조상들의 삶의 지혜가 깃들어 있어요.</p> <p>(A: Hôm qua mình xem một bộ phim tài liệu về nhà Hanok. Mình thật sự rất ngạc nhiên không biết làm sao mà ngày xưa họ có thể xây nhà khoa học đến vậy.</p> <p>B: Đúng vậy. Không chỉ nhà Hanok mà trong mọi di sản văn hóa đều ẩn chứa trí tuệ của tổ tiên chúng ta.)</p>
	Câu sai (chiếm 30%)	<p>20.2. A: 어제 한옥에 대한 다큐멘터리를 봤는데 옛날에 어떻게 그렇게 과학적으로 집을 만들 수 있었는지 정말 놀랐던데요.</p> <p>B: 그렇지요? <b>한옥 뿐만 아니라</b> 모든 문화유산 속에 조상들의 삶의 지혜가 깃들어 있어요.</p>
Câu 21	Câu sai (chiếm 32%)	<p>21.1. A: 싸고 괜찮은 자전거 있어요?</p> <p>B: 이 자전거는 어떠세요? 가격이 <b>저렴할뿐만 아니라</b> 디자인도 예뻐서 요즘 잘 나가요.</p>
	Câu đúng (chiếm 68%)	<p>21.2. A: 싸고 괜찮은 자전거 있어요?</p> <p>B: 이 자전거는 어떠세요? 가격이 <b>저렴할 뿐만 아니라</b> 디자인도 예뻐서 요즘 잘 나가요.</p> <p>(A: Anh có chiếc xe đạp nào vừa rẻ vừa tốt không?</p> <p>B: Chiếc này thế nào ạ? Không chỉ giá rẻ mà thiết kế cũng đẹp nên dạo này nó đang được bán rất chạy đấy ạ.)</p>
Câu 22	Câu đúng (chiếm 66%)	<p>22.1. A: 하숙집 방이 넓어요? 이 교실보다 더 넓어요?</p> <p>B: 아니요. <b>이 교실만큼</b> 넓지 않아요.</p> <p>(A: Phòng trọ của bạn có rộng không? Nó có rộng hơn phòng học này không?</p> <p>B: Không, nó không rộng bằng phòng học này.)</p>
	Câu sai (chiếm 34%)	<p>22.2. A: 하숙집 방이 넓어요? 이 교실보다 더 넓어요?</p> <p>B: 아니요. <b>이 교실 만큼</b> 넓지 않아요.</p>
Câu 23	Câu sai (chiếm 29%)	<p>23.1. A: 저 요리사는 손이 눈에 <b>보이지 않을만큼</b> 칼질을 빨리해요.</p> <p>B: 저분 요리 경력이 20년이거든요. 그래서 칼질에 여간 능숙하지 않아요.</p>
	Câu đúng (chiếm 71%)	<p>23.2. A: 저 요리사는 손이 눈에 <b>보이지 않을 만큼</b> 칼질을 빨리해요.</p> <p>B: 저분 요리 경력이 20년이거든요. 그래서 칼질에 여간 능숙하지 않아요.</p>

		(A: Đầu bếp đó thái dao nhanh đến mức tay không nhìn thấy được bằng mắt thường. B: Anh ấy có 20 năm kinh nghiệm nấu ăn, nên kỹ năng thái dao rất thành thạo.)
Câu 24	Câu đúng (chiếm 61%)	24.1. “난 너를 사랑해. 이 세상엔 너 <b>뿐</b> 이야. 소리쳐 부르지만.....” 요즘 이 노래를 모르는 사람은 별로 없을 것이다. 바로 요즘 가장 인기 있는 가수 김민성의 노래이다. (“Anh yêu em. Trên thế gian này, anh chỉ có mình em thôi. Dù anh có gào thét gọi em...”. Đạo này, không ai là không biết đến bài hát này. Đó chính là bài hát của ca sĩ Kim Min Seong nổi tiếng nhất hiện nay.)
	Câu sai (chiếm 39%)	24.2. “난 너를 사랑해. 이 세상엔 너 <b>뿐</b> 이야. 소리쳐 부르지만.....” 요즘 이 노래를 모르는 사람은 별로 없을 것이다. 바로 요즘 가장 인기 있는 가수 김민성의 노래이다.
Câu 25	Câu sai (chiếm 26%)	25.1. A: 가족과 떨어져서 사니까 좀 외롭지 않아? B: 처음에는 힘들었는데 요새는 적응이 되어서 괜찮아. 외롭다기보다 가끔 <b>심심할뿐</b> 이야.
	Câu đúng (chiếm 74%)	25.2. A: 가족과 떨어져서 사니까 좀 외롭지 않아? B: 처음에는 힘들었는데 요새는 적응이 되어서 괜찮아. 외롭다기보다 가끔 <b>심심할 뿐</b> 이야. (A: Sống xa gia đình, bạn có thấy cô đơn không? B: Ban đầu thì khó khăn, nhưng giờ mình đã quen rồi nên không sao cả. Không hẳn là cô đơn, chỉ thỉnh thoảng thấy hơi buồn thôi.)

Theo tiêu chí (1) từ câu 6 đến câu 10, các cấu trúc ngữ pháp tương tự nhưng khác biệt về quy tắc viết khoảng cách cho thấy mức độ nhận thức đa dạng ở sinh viên. Cụ thể, cấu trúc V(으)ㄴ지(làm gì được bao lâu) có trên 70% sinh viên trả lời đúng; cấu trúc A/V(으)ㄴ는지**알다**/모르다(biết/không biết làm gì) đạt tỷ lệ trung bình 70% câu trả lời đúng; trong khi đó, cấu trúc **어찌나**얼마나A/V(으)ㄴ는지(đến mức mà/ sao mà) chỉ có khoảng 50% sinh viên lựa chọn chính xác.

Cũng trong tiêu chí (1) từ câu 11 đến câu 16, với các cấu trúc tương tự như A/V(으)ㄴ는데(giới thiệu bối cảnh hoặc đưa ra tình huống tương phản) tỷ lệ chọn đúng của sinh viên giao động từ 65- 84%. Trong khi đó, cấu trúc V(으)ㄴ는데(nơi, việc phát sinh tình huống) tỷ lệ chọn đúng chỉ chiếm trên dưới 50%.

Đối với tiêu chí (2), tỷ lệ sinh viên lựa chọn đúng các cấu trúc ngữ pháp đóng vai trò trợ từ được phân bố như sau: N**대로**(theo như) đạt 62%, N**뿐만**아**니라**(không những mà còn) đạt 70%, N**만큼**(bằng với) đạt 66%, và N**뿐**이다(chỉ là) đạt 61%. Trong khi đó, các cấu trúc đóng vai trò danh từ phụ thuộc cho thấy tỷ lệ trả lời đúng cao hơn, cụ thể: V**는** **대로** đạt 73%, A/V(으)ㄴ**뿐**아**니라** đạt 68%, A/V(으)ㄴ**는**(으)ㄴ**만큼** đạt 71%, và A/V(으)ㄴ**뿐**이다 đạt 74%.

Nhìn chung, nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên có khả năng nhận biết khá tốt về các quy tắc viết khoảng cách cơ bản nhưng gặp khó khăn với các cấu trúc phức tạp và dễ gây nhầm lẫn.

## 5. Thảo luận và đề xuất

### 5.1 Thảo luận

Quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn không chỉ áp dụng cho người học ngoại ngữ mà còn là yêu cầu đối với người bản xứ, từ học sinh tiểu học đến sinh viên đại học và người đi

làm. Tính chất phức tạp của quy tắc này đã được nghiên cứu trên nhiều nhóm đối tượng với trình độ ngôn ngữ khác nhau, cho thấy việc hiểu và áp dụng quy tắc vào thực tiễn vẫn tồn tại nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ.

Nghiên cứu này triển khai khảo sát thực nghiệm trên đối tượng sinh viên, thông qua một bảng câu hỏi gồm 5 nội dung tổng quan về quy tắc viết khoảng cách, bao gồm tầm quan trọng, mức độ khó dễ, khả năng hiểu và ứng dụng. Đồng thời, bảng khảo sát tích hợp thêm hình thức đúng của 20 câu viết cách dựa trên kiến thức đã được giảng dạy trong giáo trình Ewha từ trình độ 1-1 đến 5.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù phần lớn sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của quy tắc viết khoảng cách nhưng việc áp dụng thực tế vẫn gặp nhiều khó khăn. Điều này nhất quán với các kết luận từ nghiên cứu trước đây. Cụ thể, Bak Jeong Gyu (2021) chỉ ra rằng, mặc dù quy tắc viết khoảng cách là một phần quan trọng của Quy tắc Chính tả Tiếng Hàn (한글 맞춤법) nhưng người sử dụng tiếng Hàn thường gặp khó khăn trong việc hiểu rõ và áp dụng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự phức tạp của các quy định hiện hành, cũng như việc các điều khoản này vẫn thuộc một phần của Quy tắc Chính tả Tiếng Hàn, dẫn đến hạn chế cả về nội dung lẫn cách tiếp cận thực tiễn.

Ngoài ra, nghiên cứu của Kim Yeong Il (2019) trên nhóm học viên người Trung Quốc học tiếng Hàn trình độ trung cấp cũng cho thấy, dù quy tắc viết khoảng cách đã được giảng dạy trong chương trình, người học vẫn thường xuyên mắc lỗi. Các lỗi sai được phân loại chi tiết theo từng hạng mục, đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra những nguyên nhân như tính phức tạp của quy tắc, khó khăn trong việc nắm bắt và áp dụng, cũng như tầm quan trọng và sự cần thiết của việc rèn luyện kỹ năng viết khoảng cách. Kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cũng phù hợp với những nhận định trên, khi sinh viên nhận thức được tầm quan trọng nhưng thiếu kỹ năng áp dụng hiệu quả.

Thêm vào đó, nghiên cứu của Bak Jong Ho và Kim Bo Eun (2014) nhấn mạnh rằng việc tuân thủ chính tả và quy tắc viết khoảng cách là yếu tố quan trọng để hình thành một bài viết chất lượng. Tuy nhiên, nhiều học sinh và sinh viên hiện nay mắc lỗi do thiếu kiến thức về quy tắc ngôn ngữ. Sự chính xác trong viết khoảng cách không chỉ hỗ trợ người đọc hiểu đúng nội dung bài viết mà còn nâng cao chất lượng tổng thể của văn bản.

Tóm lại, nghiên cứu này không chỉ củng cố các vấn đề đã được đề cập trong các nghiên cứu trước mà còn bổ sung thêm dữ liệu thực nghiệm về khả năng ứng dụng quy tắc viết khoảng cách của sinh viên học tiếng Hàn theo giáo trình Ewha cụ thể. Kết quả này mở ra hướng tiếp cận mới trong việc thiết kế giáo trình và tài liệu giảng dạy, nhằm cải thiện hiệu quả đào tạo kỹ năng viết khoảng cách trong tiếng Hàn.

## 5.2 Đề xuất

Dựa trên kết quả phân tích khảo sát, nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của việc giảng dạy và học tập có hiệu quả về quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn. Cụ thể là chú trọng vào việc hướng dẫn chi tiết các quy tắc trong các cấu trúc ngữ pháp tương tự về hình thức nhưng có sự khác biệt về cách viết, cũng như các cấu trúc đóng vai trò trợ từ và danh từ phụ thuộc cho sinh viên năm 3 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

### 5.2.1 Đối với giảng viên

Đưa vào giảng dạy thêm lý thuyết và thực hành liên quan đến quy tắc viết khoảng cách. Tổ chức các bài giảng chuyên sâu, giải thích chi tiết và minh họa cụ thể các quy tắc đó. Tăng cường phân tích và sửa lỗi viết khoảng cách trong các bài tập viết của sinh viên.

Hệ thống hoá các cấu trúc đã dạy và đưa ra so sánh nếu nhận thấy chúng có những điểm tương đồng. Từ đó, khắc phục các lỗi sai trong bài viết hay các nhận định không đúng của sinh viên từ trước đến nay. Lồng ghép bài tập viết khoảng cách vào các kỹ năng khác như nghe, nói, đọc, viết để sinh viên có cái nhìn toàn diện về quy tắc và áp dụng chính xác.

Tổ chức các hoạt động học tập mang tính cạnh tranh và trò chơi sáng tạo để khơi dậy sự hứng thú của sinh viên trong việc học quy tắc viết khoảng cách. Các hoạt động có thể là trò chơi ngôn ngữ, viết lại câu để tạo nghĩa chính xác bằng cách sử dụng đúng khoảng cách, hoặc chỉnh sửa các câu sai quy tắc khoảng cách.

### 5.2.2 Đối với sinh viên

Tăng cường thực hành thông qua bài tập đa dạng như tập viết câu theo cấu trúc ngữ pháp, phân tích hình vị của câu, xác định khoảng cách trong các câu phức tạp. Ngoài ra, việc thực hành qua các tình huống thực tế như viết nhật ký, bài luận ngắn, hoặc đoạn hội thoại từ tiếng Việt sang tiếng Hàn sẽ giúp sinh viên quen dần các quy tắc và thấy rõ được tầm quan trọng của việc viết đúng khoảng cách khi thực hiện các công việc này thường xuyên.

Hệ thống hoá các kiến thức đã học, kiểm tra và chia sẻ lỗi với nhóm học qua các bài viết của các thành viên trong nhóm. Với hình thức này, sinh viên có thể kiểm tra chéo với bạn bè của mình để nhận ra các lỗi phổ biến và học hỏi cách sửa lỗi từ các bạn khác, giúp sinh viên nhận ra những phần mình chưa nắm vững để kịp thời bổ sung.

Tích cực tham gia các khóa hỗ trợ cùng các bài giảng trực tuyến và trực tiếp của giảng viên về quy tắc viết khoảng cách. Mạnh dạn chia sẻ thắc mắc để nhận được sự giải đáp và hướng dẫn cụ thể từ giảng viên. Cùng với đó, việc sử dụng công nghệ hỗ trợ có chức năng kiểm tra khoảng cách như ứng dụng Papago, Mirinae, trang web Bareun, giúp sinh viên tự kiểm tra lỗi và học hỏi từ những sai sót.

## 6. Kết luận

Một số kết quả cụ thể của đề tài gồm: làm rõ nhận thức của sinh viên năm 3 Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về quy tắc viết khoảng cách trong tiếng Hàn; chỉ ra những điểm mâu chốt trong giảng dạy và học tập quy tắc này, đặc biệt nhấn mạnh những khó khăn trong việc áp dụng quy tắc viết khoảng cách với đối tượng người Việt học tiếng Hàn.

Mặc dù quy định chính tả tiếng Hàn (한글 맞춤법) rất phức tạp và có nhiều chi tiết liên quan đến quy tắc viết khoảng cách, nghiên cứu này chỉ tập trung vào hai khía cạnh dễ nhầm lẫn là cấu trúc có hình thức tương tự nhưng khác cách viết, và cấu trúc ngữ pháp đóng vai trò là trợ từ (조사), danh từ phụ thuộc (의존 명사). Đối với những cấu trúc này, người học cần dựa vào bối cảnh của câu để hiểu nghĩa và xác định cách viết đúng. Việc tuân thủ đúng quy tắc viết liền



hay viết cách không chỉ giúp người đọc hiểu dễ dàng mà còn thể hiện tính chuyên nghiệp trong văn bản.

Vì vậy, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của việc giảng dạy có hệ thống và nâng cao thái độ học tập của sinh viên đối với quy tắc phức tạp này. Giảng viên cần áp dụng các phương pháp giảng dạy hợp lý, cung cấp giải thích cụ thể và tạo động lực thực hành cho người học. Sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc, hệ thống hoá kiến thức, và tích cực áp dụng quy tắc viết khoảng cách vào thực tế trong các kỹ năng ngôn ngữ khác nhau, không chỉ dừng lại ở kỹ năng Viết.

### Tài liệu tham khảo

- Bak, S.H. (2018). *한글 맞춤법의 개선 방안 연구* [문학박사 학위논문]. 경성대학교 대학원.
- Bak, J.G. (2021). 보다 쉬운 띄어쓰기 규정의 정립을 위하여. *우리말연구*, Tập (67).
- Bak, J.H. & Kim, B.E. (2014). 대학생들의 띄어쓰기 사용 실태 분석과 그 교육 방안 연구. *한국교양교육학회*, Tập (8).
- Bang, S.I. (2011). *중 고등 학교 띄어쓰기 교육의 개선 방안 연구* [석사 학위논문]. 인하대학교 교육대학원
- Cheon, W. (2019). *한국어 학습자를 위한 맞춤법의 띄어쓰기 교육 방안 연구 (중·고급 수준의 중국인 학습자를 대상으로)* [석사 학위논문]. 중앙대학교 대학원.
- Choe, H.U. (2023). *초등 학습자를 위한 띄어쓰기 지도 방안 연구* [석사 학위논문]. 부산교육대학교 교육대학원
- I, E.Y. (2015). *한국어 학습자를 위한 효율적인 띄어쓰기 교육방안 (한국어 학습자의 띄어쓰기 오류분석에 따른 문법교육 방안을 중심으로)* [석사 학위논문]. 남서울대학교 복지경영대학원.
- Im, E.J. (2022) 중급 한국어 학습자의 띄어쓰기 오류 양상과 띄어쓰기 문제에 대한 고찰. *새국어교육*, Tập (133).
- Jeong, R. (2012). *중국인 초·중급 학습자의 한국어 띄어쓰기 오류 양상 연구* [석사 학위논문]. 계 명 대 학 교 대 학 원.
- Jin, W.W. (2020). *중국인 한국어 학습자를 위한 띄어쓰기 교육 연구* [석사 학위논문]. 배 재 대 학 교 대 학 원
- Kim, Y.I. (2019). 중국인 중급 학습자의 작문에 나타난 띄어쓰기 오류 연구. *우리말글학회*, Tập (82).
- Xu, R.J. (2024). *중국인 한국어 학습자의 한국어 맞춤법 오류 양상 연구 (띄어쓰기를 중심으로)* [석사 학위논문]. 연세대학교 대학원.
- Yu, I.S. (2018). *한국어 학습자 대상 띄어쓰기 교육 내용 선정 연구* [석사 학위논문]. 부산외국어대학교 대학원.

## **KOREAN-MAJOR STUDENTS' PERCEPTIONS OF THE IMPLEMENTATION OF THE KOREAN SPACING RULE**

**Abstract:** The Korean spacing rule (띄어쓰기) is a crucial element that helps separate sentence components, ensuring clarity and coherence, and reflecting learners' language proficiency in learners. However, it is also considered a complex rule with numerous exceptions. Accordingly, this paper investigates Korean-major students' perceptions of applying spacing rules to the grammatical structures related to studies in the Ewha book series. Data was collected via online questionnaires from 100 third-year students majoring in Korean Language and Culture and then analysed using Excel software. It was found that although most students were aware of the importance of spacing rules and had relative understanding, only about 65% chose the correct answers in a multiple-choice test. Based on these findings, the author emphasizes the need for systematic teaching and improved student engagement with this complex rule.

*Keywords:* Students' perceptions, spacing rule, Korean language

## PHỤ LỤC

### Khảo sát nhận thức về quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) của sinh viên năm 3

#### Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

- 1) Các bạn đánh giá thế nào về tầm quan trọng của quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong tiếng Hàn?
  1. Rất quan trọng
  2. Khá quan trọng
  3. Bình thường
  4. Không quan trọng
- 2) Các bạn đánh giá thế nào về độ khó dễ của quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong tiếng Hàn?
  1. Rất khó
  2. Khá khó
  3. Bình thường
  4. Dễ
- 3) Các bạn hiểu thế nào về quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong tiếng Hàn của bản thân?
  1. Hiểu rõ
  2. Khá hiểu
  3. Bình thường
  4. Không hiểu
- 4) Các bạn nhận biết thế nào về các dạng tương tự cấu trúc ngữ pháp nhưng khác ý nghĩa phụ thuộc vào quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기)?
  1. Biết rất rõ
  2. Biết khá rõ
  3. Bình thường
  4. Không biết
- 5) Tần suất mắc lỗi của các bạn liên quan đến quy tắc viết khoảng cách (띄어쓰기) trong kỹ năng Viết tiếng Hàn thế nào?
  1. Thường xuyên
  2. thỉnh thoảng
  3. Hiếm khi
  4. Không bao giờ
- 6) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 3-2:99)
  - 6.1. A: 이번에 새로 들어간 회사 다닐 만해요?  
B: 아니요. 야근이 어찌나 **많은지** 집에 일찍 들어가는 날이 드물어요.
  - 6.2. A: 이번에 새로 들어간 회사 다닐 만해요?  
B: 아니요. 야근이 어찌나 **많은 지** 집에 일찍 들어가는 날이 드물어요.
- 7) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-1:13)
  - 7.1. A: 장소이 씨 소식을 들었어요?  
B: 아니요. 그 사람 소식을 못 **들은지** 한 달이 넘었어요.
  - 7.2. A: 장소이 씨 소식을 들었어요?  
B: 아니요. 그 사람 소식을 못 **들은 지** 한 달이 넘었어요.
- 8) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-2:61)
  - 8.1. A: 이치로 씨, 서울에서 제주도까지 비행기 값이 얼마예요?  
B: 글썄요. 비행기 값이 **얼마인지** 모르겠어요.

- 8.2. A: 이치로 씨, 서울에서 제주도까지 비행기 값이 얼마예요?  
 B: 글썄요. 비행기 값이 **얼마인 지** 모르겠어요.
- 9) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-2:60)
- 9.1. A: 왕카이 씨, 진차오 씨가 누구와 제일 **친한지**知道吗?  
 B: 진차오 씨는 안 씨와 친해요. 지난 학기에 같은 반이었거든요.
- 9.2. A: 왕카이 씨, 진차오 씨가 누구와 제일 **친한 지**知道吗?  
 B: 진차오 씨는 안 씨와 친해요. 지난 학기에 같은 반이었거든요.
- 10) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-1:13)
- 10.1. A: 왕카이 씨, 이 책을 읽었지요? 어떤 내용이에요?  
 B: 내용이 잘 기억나지 않아요. 그 책을 **읽은지** 3년이 넘어서요.
- 10.2. A: 왕카이 씨, 이 책을 읽었지요? 어떤 내용이에요?  
 B: 내용이 잘 기억나지 않아요. 그 책을 **읽은 지** 3년이 넘어서요.
- 11) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-2:26)
- 11.1. A: 지금 밖에 비가 **내리는데** 우산을 가져왔어요?  
 B: 네. 가져왔어요. 아침에 일기예보를 봤거든요.
- 11.2. A: 지금 밖에 비가 **내리는 데** 우산을 가져왔어요?  
 B: 네. 가져왔어요. 아침에 일기예보를 봤거든요.
- 12) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 4:39)
- 12.1. A: 노트북을 **수리하는데** 얼마나 걸린대요?  
 B: 수리 센터에 물어봤더니 일주일 정도 걸린대요.
- 12.2. A: 노트북을 **수리하는 데** 얼마나 걸린대요?  
 B: 수리 센터에 물어봤더니 일주일 정도 걸린대요.
- 13) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 3-2:164)
- 13.1. A: 운동을 **하는데** 살이 빠지지 않아요.  
 B: 걱정하지 마세요. 계속 운동하다 보면 살이 빠질 거예요.
- 13.2. A: 운동을 **하는 데** 살이 빠지지 않아요.  
 B: 걱정하지 마세요. 계속 운동하다 보면 살이 빠질 거예요.
- 14) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-2:40)
- 14.1. A: 결혼식에 **가는데** 뭘 입는 게 좋을까요?  
 B: 정장을 입는 게 좋겠어요.
- 14.2. A: 결혼식에 **가는 데** 뭘 입는 게 좋을까요?  
 B: 정장을 입는 게 좋겠어요.
- 15) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 2-2:27)
- 15.1. A: 왕카이 씨, 선생님께서 빌린 책 다 읽었어요?  
 B: 네. 내용은 **재미있는데** 모르는 단어가 너무 많아요.
- 15.2. A: 왕카이 씨, 선생님께서 빌린 책 다 읽었어요?  
 B: 네. 내용은 **재미있는 데** 모르는 단어가 너무 많아요.

16) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 4:94)

16.1. A: 왕단 씨, 신혼집을 장만할 때 부족한 돈은 어떻게 마련했어요?

B: 저희는 반지나 시계와 같은 예물에 들이는 비용을 줄여 집 **장만하는데** 보탬이 있었어요.

16.2. A: 왕단 씨, 신혼집을 장만할 때 부족한 돈은 어떻게 마련했어요?

B: 저희는 반지나 시계와 같은 예물에 들이는 비용을 줄여 집 **장만하는 데** 보탬이 있었어요.

17) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 4:14)

17.1. A: 경찰이 와서 오늘 아침에 일어난 교통사고에 대해 물어봤다면서요?

B: 네. 저는 그냥 오늘 일어난 일을 **사실대로** 이야기해 주었어요.

17.2. A: 경찰이 와서 오늘 아침에 일어난 교통사고에 대해 물어봤다면서요?

B: 네. 저는 그냥 오늘 일어난 일을 **사실 대로** 이야기해 주었어요.

18) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 4:21)

18.1. A: 댄스 동호회에 가입은 했는데 춤을 전혀 못 춰서 걱정이예요.

B: 걱정하지 마세요. 다른 사람이 **하는대로** 따라 하면 돼요.

18.2. A: 댄스 동호회에 가입은 했는데 춤을 전혀 못 춰서 걱정이예요.

B: 걱정하지 마세요. 다른 사람이 **하는 대로** 따라 하면 돼요.

19) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 2-2:36)

19.1. A: 김 기자, 요즘 인기 있는 영화를 소개하는 신문 기사는 다 썼어요?

B: 거의 다 됐습니다. 기사를 다 **쓰는대로** 부장님 이메일로 보내 드리겠습니다.

19.2. A: 김 기자, 요즘 인기 있는 영화를 소개하는 신문 기사는 다 썼어요?

B: 거의 다 됐습니다. 기사를 다 **쓰는 대로** 부장님 이메일로 보내 드리겠습니다.

20) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 5:71)

20.1. A: 어제 한옥에 대한 다큐멘터리를 봤는데 옛날에 어떻게 그렇게 과학적으로 집을 만들 수 있었는지 정말 놀랐던데요.

B: 그렇지요? **한옥뿐만 아니라** 모든 문화유산 속에 조상들의 삶의 지혜가 깃들어 있어요.

20.2. A: 어제 한옥에 대한 다큐멘터리를 봤는데 옛날에 어떻게 그렇게 과학적으로 집을 만들 수 있었는지 정말 놀랐던데요.

B: 그렇지요? **한옥 뿐만 아니라** 모든 문화유산 속에 조상들의 삶의 지혜가 깃들어 있어요.

21) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 3-1:59)

21.1. A: 싸고 괜찮은 자전거 있어요?

B: 이 자전거는 어떠세요? 가격이 **저렴할뿐만 아니라** 디자인도 예뻐서 요즘 잘 나가요.

21.2. A: 싸고 괜찮은 자전거 있어요?

B: 이 자전거는 어떠세요? 가격이 **저렴할 뿐만 아니라** 디자인도 예뻐서 요즘 잘 나가요.

22) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (И회한국어 3-1:61)

22.1. A: 하숙집 방이 넓어요? 이 교실보다 더 넓어요?

B: 아니요. **이 교실만큼** 넓지 않아요.

22.2. A: 하숙집 방이 넓어요? 이 교실보다 더 넓어요?

B: 아니요. **이 교실 만큼** 넓지 않아요.

23) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 4:96)

23.1. A: 저 요리사는 손이 눈에 **보이지 않을만큼** 칼질을 빨리해요.

B: 저분 요리 경력이 20년이거든요. 그래서 칼질에 여간 능숙하지 않아요.

23.2. A: 저 요리사는 손이 눈에 **보이지 않을 만큼** 칼질을 빨리해요.

B: 저분 요리 경력이 20년이거든요. 그래서 칼질에 여간 능숙하지 않아요.

24) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 3-2:103)

24.1. “난 너를 사랑해. 이 세상엔 **너뿐이야**. 소리쳐 부르지만.....” 요즘 이 노래를 모르는 사람은 별로 없을 것이다. 바로 요즘 가장 인기 있는 가수 김민성의 노래이다.

24.2. “난 너를 사랑해. 이 세상엔 **너 뿐이야**. 소리쳐 부르지만.....” 요즘 이 노래를 모르는 사람은 별로 없을 것이다. 바로 요즘 가장 인기 있는 가수 김민성의 노래이다.

25) Câu nào đúng trong hai câu sau đây: (이화한국어 5:61)

25.1. A: 가족과 떨어져서 사니까 좀 외롭지 않아?

B: 처음에는 힘들었는데 요새는 적응이 되어서 괜찮아. 외롭다기보다 가끔 **심심할뿐이야**.

25.2. A: 가족과 떨어져서 사니까 좀 외롭지 않아?

B: 처음에는 힘들었는데 요새는 적응이 되어서 괜찮아. 외롭다기보다 가끔 **심심할 뿐이야**.